

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 84/CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ TRUNG NGUYÊN/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ TRUNG NGUYÊN

Địa chỉ: 268 đường Nguyễn Tất Thành, Phường Tân Lập, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.

Điện thoại: 0262 3865116 - 0262 3855570 Fax: 0262 3811766

E-mail: office@trungnguyenlegend.com

Mã số doanh nghiệp: 6000429946

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: CÀ PHÊ HỖN HỢP HÒA TAN E003

2. Thành phần: Cà phê Robusta (80 %), đậu nành (20 %).

Sản phẩm có chứa đậu nành.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất và hạn sử dụng: Xem trên bao bì.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo và thoáng mát.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Đóng gói với khối lượng tịnh:

+ Thùng: 20 kg.

+ Túi sản phẩm (bên trong Thùng): 20 kg.

- Chất liệu bao bì:

+ Sản phẩm được đóng gói kín và chứa trực tiếp trong bao bì PE, có chất liệu phù hợp an toàn thực phẩm chứa trực tiếp sản phẩm thực phẩm.

+ Sau đó, cho vào bao bì thùng giấy (có in thông tin ghi nhãn sản phẩm theo quy định).

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại: Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Trung Nguyên – Nhà Máy Cà Phê Sài Gòn.

Địa chỉ: Lô A, Đường NA7, KCN Mỹ Phước 2, Phường Bến Cát, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Sản xuất theo hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp của công ty CP Đầu tư Trung Nguyên.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm). ✓



Handwritten signature in blue ink.

Handwritten mark in blue ink.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

2. Thông tư các Bộ, ngành:

- Thông tư 24/2019/TT-BYT Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một phần bởi Thông tư 17/2023/TT-BYT ngày 25/09/2023 và Thông tư số 08/2024/TT-BYT ngày 24/05/2024 do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.
- Thông tư 30/2026/TT-BYT: Hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố. /.

Đắk Lắk, ngày 20 tháng 8 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN





TRUNG NGUYỄN LEGEND
117 TRẦN HƯNG ĐẠO, PHƯỜNG THẠCH THẠM, QUẬN THẠCH KHUÊ, TP. HCM

CÀ PHÊ HỖN HỢP HÒA TAN E003

KHỐI LƯỢNG TÍNH: 20 kg

THÀNH PHẦN:

Cà phê Robusta (80 %), đậu nành (20 %).
Sản phẩm có chứa đậu nành.

THÔNG TIN CẢNH BÁO AN TOÀN:

- Không để sản phẩm gần nơi có nhiệt độ cao.
- Không dùng cho người dị ứng với thành phần của sản phẩm.

CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG CHỦ YẾU:

- Độ ẩm $\leq$ 5 %
- Hàm lượng caffeine $\geq$ 3 %

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:

Dùng làm nguyên liệu cho cà phê hòa tan, sữa, kem, sô cô la, bánh kẹo,...

HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN:

Bảo quản nơi khô ráo và thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

THÔNG TIN DINH DƯỠNG		
Thành phần dinh dưỡng	Giá trị trung bình trong 100 g	% NRV*
Năng lượng	136 Kcal	7 %
Chất đạm	29,1 g	58 %
Carbohydrat	4,6 g	1 %
Chất béo	0,1 g	0 %
Natri	4 mg	0 %

*% Giá trị dinh dưỡng tham chiếu (Nutrient Reference Values - NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 Kcal).

Mã số lô:

Ngày sản xuất:

Hạn sử dụng:



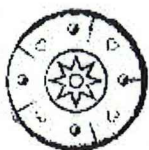
Sản phẩm của: CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ TRUNG NGUYỄN
Số 268 Đường Nguyễn Tài Thành, Phường Tân Lập, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
Điện thoại: 0262 3865116 - Fax: 0262 3811766
Website: www.trungnguyenlegend.com
Sản xuất tại: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUNG NGUYỄN - NHÀ MÁY CÀ PHÊ SÀI GÒN
Lô A, Đường N47, Khu Công Nghiệp Mỹ Phước 2, Phường Bến Cát, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Sản xuất theo hợp đồng sử dụng nhãn hàng sở hữu công nghiệp của công ty CP Đền ơn Trung Nguyên
XUẤT XỨ: Việt Nam

Phó Giám Đốc Marketing

Võ Thị Bình



TRUNG NGUYỄN LEGEND
TẠI SÂN CHÁNH LỚP - SÂN CHÁNH LỚP



SỐ LỚP CHẤT TỐI ĐA: 3 LỚP

CÀ PHÊ HỖN HỢP HÒA TAN E003

KHỐI LƯỢNG TÍNH: 20 kg

THÀNH PHẦN:

Cà phê Robusta (80 %), đậu nành (20 %).
Sản phẩm có chứa đậu nành.

THÔNG TIN CẢNH BÁO AN TOÀN:

- Không để sản phẩm gần nơi có nhiệt độ cao.
- Không dùng cho người dị ứng với thành phần của sản phẩm.

CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG CHỦ YẾU:

- Độ ẩm $\leq$ 5 %
- Hàm lượng caffeine $\geq$ 3 %

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:

Dùng làm nguyên liệu cho cà phê hòa tan, sữa, kem, sô cô la, bánh kẹo....

HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN:

Bảo quản nơi khô ráo và thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

THÔNG TIN DINH DƯỠNG		
Thành phần dinh dưỡng	Giá trị trung bình (trong 100 g)	% NRV*
Năng lượng	136 Kcal	7 %
Chất đạm	29,1 g	58 %
Carbohydrat	4,6 g	1 %
Chất béo	0,1 g	0 %
Natri	4 mg	0 %

* % Giá trị dinh dưỡng tham chiếu (Nutrient Reference Values - NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 Kcal).

Mã số lô:

Ngày sản xuất:

Hạn sử dụng:

Sản phẩm của: CÔNG TY CỔ PHẦN

CÀ PHÊ TRUNG NGUYỄN

Số 268 Đường Nguyễn Tất Thành, Phường

Tân Lập, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.

Điện thoại: 0262 3865116 - Fax: 0262 3811 766

Website: www.trungnguyenlegend.com

Sản xuất tại: CHI NHÁNH CÔNG TY

CÓ PHÂN TẬP ĐOÀN TRUNG NGUYỄN

NHÀ MÁY CÀ PHÊ SÀI GÒN

1.0 A, Đường NA7, Khu Công Nghiệp

Mỹ Phước 2, Phường Bến Cát, Thành phố

Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Sản xuất theo hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu

công nghiệp của công ty CP Dầu tư Trung Nguyễn.

XUẤT XỨ: Việt Nam.

5900101



8 935024 189498





Report N°: 0001429405

Page N° 1/6

Ho Chi Minh City, Date: April 25, 2026

TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 25/04/2026

JOB NO.: 2603A-01688

Đơn hàng: 2603A-01688

ANALYSIS REPORT

BÁO CÁO PHÂN TÍCH

CLIENT'S NAME

Tên khách hàng

: TRUNG NGUYEN COFFEE CORPORATION
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ TRUNG NGUYỄN

CLIENT'S ADDRESS

Địa chỉ

: 268 NGUYEN TAT THANH STREET, TAN LAP WARD, DAK LAK PROVINCE,
VIETNAM
SỐ 268 ĐƯỜNG NGUYỄN TẤT THÀNH, PHƯỜNG TÂN LẬP, TỈNH ĐẮK LẮK, VIỆT
NAM

SAMPLE INFORMATION:

THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by

Được lấy/ gửi bởi

: Client
Khách hàng

Client's reference

Chú thích của khách hàng

: CÀ PHÊ HỖN HỢP HÒA TAN E003
SOLUBLE COFFEE MIX E003
Manufactured by: BRANCH OF TRUNG NGUYEN GROUP
CORPORATION – SAI GON COFFEE FACTORY
Nhà máy sản xuất: CHI NHÁNH CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN TRUNG
NGUYỄN - NHÀ MÁY CÀ PHÊ SÀI GÒN
Address: Lot A, NA7 Street, My Phuoc 2 Industrial Park, Ben Cat
Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Địa chỉ: Lô A, Đường NA7, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2,
Phường Bến Cát, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Sampling date

: 09/03/2026

The above information is submitted and identified by the client/applicant.

Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description

Mô tả mẫu

: Instant coffee (approx. gr. wt. 1.1kg) in the aluminium container
Cà phê hòa tan (khoảng 1.1kg bao gồm bao bì) chứa trong vật chứa bằng
nhôm

Sample ID

Mã số mẫu

: 2603A-01688.001

Date sample(s) received

Ngày nhận mẫu

: March 09, 2026
09/03/2026

Testing period

Thời gian thử nghiệm

: March 09, 2026 - March 30, 2026
09/03/2026 - 30/03/2026

Test(s) requested

Yêu cầu thử nghiệm

: As applicant's requirement
Theo yêu cầu của khách hàng

Test result(s)

Kết quả kiểm nghiệm

: Please refer to the next page(s)
Vui lòng tham khảo trang sau

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service
<<http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>>. Attention is drawn to the limitations
of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of
this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings
at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The
Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties
to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction
documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or
appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest
extent of the law.



Report N°: 0001429405

Page N° 2/6

TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Color	:	Characteristic color of product
Màu	:	Màu sắc đặc trưng của sản phẩm
Odor	:	Characteristic odor of product, no strange odor
Mùi	:	Mùi thơm đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ
Taste	:	Characteristic taste of product
Vị	:	Vị đặc trưng của sản phẩm
Appearance	:	Dry powder, loose and no clump
Trạng thái	:	Mẫu dạng bột khô, rời và không bị vón cục
Solubility in hot water	:	Solubility in hot water (within 2 minutes with stirring), there is some residue that settles at the bottom of the cup.
Độ tan trong nước nóng	:	Tan trong nước nóng (trong 2 phút có khuấy), có một ít cặn lắng dưới đáy cốc
Solubility in cold water	:	Solubility in cold water (within 3 minutes with stirring), there is some residue that settles at the bottom of the cup.
Tan trong nước lạnh	:	Tan trong nước lạnh (trong 3 phút có khuấy), có một ít cặn lắng dưới đáy cốc

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	RL	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
1. Total Plate Count (Mesophilic aerobic microorganism) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	ISO 4833-1:2013/ Amd 1:2022	<10	10	cfu/g	Initial dilution: 100, Note (i)
2. Total Coliforms Coliform tổng	ISO 4832:2006	<10	10	cfu/g	Initial dilution: 100, Note (i)
3. Bacillus cereus Bacillus cereus	AOAC 980.31	<10	10	cfu/g	Initial dilution: 100, Note (i)
4. Clostridium perfringens Clostridium perfringens	ISO 15213-2:2023 ^(a)	<10	10	cfu/g	Initial dilution: 100, Note (i)
5. E. coli E. coli	ISO 16649-3:2015 ^(a)	Not Detected Không phát hiện	-	cfu/g	Initial dilution: 100, Note (i)
6. Salmonella spp. Salmonella spp.	ISO 6579-1:2017/ Amd 1:2020	Not Detected Không phát hiện	1.5	cfu/25g	Initial dilution: 100, Note (i)
7. Staphylococcus aureus Staphylococcus aureus	US FDA BAM Chapter 12	<10	10	cfu/g	Initial dilution: 100, Note (i)

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tân Bình IZ, Tây Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

LFOD-QAM-F-2010-1 - 01 Jul, 2025

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
 This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0001429405

Page N° 3/6

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	RL	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
8. Total Yeast and Mold Tổng nấm men và nấm mốc	ISO 21527-2:2008	<10	10	cfu/g	Initial dilution: 100, Note (i)
9. GMO detection: P35S Phát hiện GMO: P35S	ISO 21569:2005/ Amd 1:2013 (Real-time PCR) ^(a)	Not Detected Không phát hiện	-	g/100g	
10. GMO detection: T-nos Phát hiện GMO: T-nos	ISO 21569:2005/ Amd 1:2013 (Real-time PCR) ^(a)	Not Detected Không phát hiện	-	g/100g	
11. GMO detection: P-FMV Phát hiện GMO: P-FMV	ISO/TS 21569-5:2016 (Real-time PCR) ^(a)	Not Detected Không phát hiện	-	g/100g	
12. Soybean (soy) content Hàm lượng đậu nành	LFOD-TST-SOP-8989 (ELISA Method) ^(a)	Not Detected Không phát hiện	6.4	mg/kg	
13. Soybean (soy) protein content Hàm lượng protein đậu nành	LFOD-TST-SOP-8989 (ELISA Method) ^(a)	Not Detected Không phát hiện	2.5	mg/kg	
14. Caffeine Cafein	ISO 20481:2008	3.4	0.001	g/100g	
15. Moisture (vacuum oven method, 70°C) Độ ẩm (phương pháp sấy chân không, 70°C)	ISO 3726:1983	2.73	0.28	g/100g	
16. Acid insoluble ash Tro không tan trong axit	TCVN 5253:1990	Not Detected Không phát hiện	0.1	g/100g	
17. Total ash Tro tổng	TCVN 5253:1990	7.93 ± 0.46	0.1	g/100g	
18. pH value (1.2% solution) Giá trị pH (dung dịch 1.2%)	DIN 10776-2:2016-07	5.02	-		
19. Aflatoxin (sum of B1, B2, G1, G2) Aflatoxin (tổng của B1, B2, G1, G2)	LFOD-TST-SOP-8468	Not Detected Không phát hiện	_(a)	µg/kg	
20. Aflatoxin B1 Aflatoxin B1	LFOD-TST-SOP-8468	Not Detected Không phát hiện	0.3	µg/kg	
21. Aflatoxin B2 Aflatoxin B2	LFOD-TST-SOP-8468	Not Detected Không phát hiện	0.3	µg/kg	
22. Aflatoxin G1 Aflatoxin G1	LFOD-TST-SOP-8468	Not Detected Không phát hiện	0.3	µg/kg	
23. Aflatoxin G2 Aflatoxin G2	LFOD-TST-SOP-8468	Not Detected Không phát hiện	0.3	µg/kg	
24. Total glucose (on dried basis) Tổng glucose (trên nền khô)	ISO 11292:1995	0.926	0.1	g/100g	

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

LFOD-QAM-F-2010-1 - 01 Jul, 2025

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
 This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0001429405

Page N° 4/6

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	RL	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
25. Total xylose (on dried basis) Tổng xylose (trên nền khô)	ISO 11292:1995	0.256	0.1	g/100g	
26. Acrylamide Acrylamide	ISO 18862:2016	471	60	µg/kg	
27. Ochratoxin A Ochratoxin A	LFOD-TST-SOP-8434	Not Detected Không phát hiện	1	µg/kg	
28. Tin (Sn) Thiếc	AOAC 2015.06	Not Detected Không phát hiện	0.05	mg/kg	
29. Arsenic (As) Asen	AOAC 2013.06	0.016	0.01	mg/kg	
30. Cadmium (Cd) Cadimi	AOAC 2013.06	Not Detected Không phát hiện	0.01	mg/kg	
31. Lead (Pb) Chì	AOAC 2013.06	Not Detected Không phát hiện	0.01	mg/kg	
32. Mercury (Hg) Thủy ngân	AOAC 2013.06	Not Detected Không phát hiện	0.01	mg/kg	

Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOSC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).
Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOSC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao (*).
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (1) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.
Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (1) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.
- (i) With the samples containing the high inhibitory substances (such as Cassia/Cinnamon, instant coffee, Lemon powder, Mustard seed/flour, Oregano, tea, chilli powder, curry powder,..., and cosmetic or personal care products: soap, toothpaste, washing liquid, mascara,...), the initial dilution was 1 in 100 to reduce the antimicrobial activity.
(i) Với mẫu chứa chất ức chế cao (như Quế, cà phê hòa tan, bột Chanh, Mù tạt, Kinh giới cay, trà, bột ớt, bột cà ri,..., và các sản phẩm mỹ phẩm hoặc các sản phẩm chăm sóc cá nhân: xà phòng, kem đánh răng, nước giặt, mascara,...), pha loãng ban đầu là 1 trong 100 để giảm hoạt tính kháng khuẩn.
- Reporting Limit (RL) was required by client.
Giới hạn báo cáo (RL) được yêu cầu bởi khách hàng.
- g/100g = % (w/w); mL/100mL = % (v/v); mL/100g = % (v/w); g/100mL = % (w/v).

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
 (84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0001429405

Page N° 5/6

- Protein content = food content x conversion factor, where the conversion factors were: 0.23 (almond), 0.11 (buckwheat), 0.18 (cashew), 0.033 (coconut), 0.17 (crustacean), 0.48 (egg), 0.16 (fish), 0.15 (hazelnut), 0.36 (lupin), 0.13 (macadamia), 0.42 (mustard), 0.22 (peanut), 0.2 (pistachio), 0.21 (sesame), 0.39 (soybean), and 0.15 (walnut).

Wheat protein content = gluten content x (1/0.85)

Hàm lượng protein = hàm lượng thực phẩm x hệ số chuyển đổi, trong đó hệ số chuyển đổi là: 0.23 (hạnh nhân), 0.11 (kiểu mạch), 0.18 (hạt điều), 0.033 (dừa), 0.17 (giáp xác), 0.48 (trứng), 0.16 (cá), 0.15 (hạt phỉ), 0.36 (lupin), 0.13 (hạt mắc ca), 0.42 (mù tạt), 0.22 (đậu phộng), 0.2 (hạt dẻ cười), 0.21 (hạt mè), 0.39 (đậu nành), và 0.15 (hạt óc chó).

Hàm lượng protein lúa mì = hàm lượng gluten x (1/0.85)

- RL = Reporting Limit. RL is referred to Limit of Quantitation (LOQ or the value higher than the LOQ) when applied to quantitative analytes, estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below RL. For chemical analytes and qualitative microbiological analytes, the value below RL is reported as Not Detected. For quantitative microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

RL = Giới hạn báo cáo. RL ứng với giới hạn định lượng (LOQ hoặc giá trị lớn hơn LOQ) khi áp dụng cho chỉ tiêu định lượng, mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn báo cáo. Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học và chỉ tiêu phân tích vi sinh định tính, giá trị chất phân tích nhỏ hơn RL được báo cáo là Không phát hiện. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh định lượng, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/diện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

_(a) Refer to RL of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.

_(a) Tham khảo RL của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Ho Chi Minh City, Vietnam

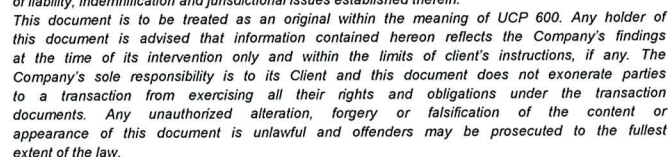
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam

(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <<http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.





Report N°: 0001429367

Page N° 1/6

Ho Chi Minh City, Date: April 25, 2026

TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 25/04/2026

JOB NO.: 2603A-01688

Đơn hàng: 2603A-01688

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

CLIENT'S NAME : **TRUNG NGUYEN COFFEE CORPORATION**
Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ TRUNG NGUYỄN**

CLIENT'S ADDRESS : **268 NGUYEN TAT THANH STREET, TAN LAP WARD, DAK LAK PROVINCE,**
Địa chỉ : **VIETNAM**
SỐ 268 ĐƯỜNG NGUYỄN TẤT THÀNH, PHƯỜNG TÂN LẬP, TỈNH ĐẮK LẮK, VIỆT NAM

SAMPLE INFORMATION:
THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by : **Client**
Được lấy/ gửi bởi : **Khách hàng**

Client's reference : **CÀ PHÊ HỖN HỢP HÒA TAN E003**
Chú thích của khách hàng : **SOLUBLE COFFEE MIX E003**
Manufactured by: BRANCH OF TRUNG NGUYEN GROUP CORPORATION – SAI GON COFFEE FACTORY
Nhà máy sản xuất: CHI NHÁNH CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN TRUNG NGUYỄN - NHÀ MÁY CÀ PHÊ SÀI GÒN
Address: Lot A, NA7 Street, My Phuoc 2 Industrial Park, Ben Cat Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Địa chỉ: Lô A, Đường NA7, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, Phường Bến Cát, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Sampling date : **09/03/2026**

The above information is submitted and identified by the client/applicant.
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description : **Instant coffee (approx. gr. wt. 1.1kg) in the aluminium container**
Mô tả mẫu : **Cà phê hòa tan (khoảng 1.1kg bao gồm bao bì) chứa trong vật chứa bằng nhôm**

Sample ID : **2603A-01688.001**
Mã số mẫu

Date sample(s) received : **March 09, 2026**
Ngày nhận mẫu : **09/03/2026**

Testing period : **March 09, 2026 - March 30, 2026**
Thời gian thử nghiệm : **09/03/2026 - 30/03/2026**

Test(s) requested : **As applicant's requirement**
Yêu cầu thử nghiệm : **Theo yêu cầu của khách hàng**

Test result(s) : **Please refer to the next page(s)**
Kết quả kiểm nghiệm : **Vui lòng tham khảo trang sau**

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn





Report N°: 0001429367

Page N° 2/6

TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	RL	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
1. Protein Chất đạm	ISO 1871:2009	29.1 ± 1.4	0.1	g/100g	N x 6.25 Note (##)
2. Moisture (vacuum oven method, 70°C) Độ ẩm (phương pháp sấy chân không, 70°C)	ISO 3726:1983	2.73	0.28	g/100g	
3. Acid insoluble ash Tro không tan trong axit	TCVN 5253:1990	Not Detected Không phát hiện	0.1	g/100g	
4. Total carbohydrate Cacbohydrat tổng	AOAC 991.43 & AOAC 2020.07 ^(Δ)	27.1 ± 1.3	-	g/100g	
5. Total carbohydrate Cacbohydrat tổng	FAO Food and Nutrition Paper 77 (2003) ^(Δ)	69.8 ± 2.9	-	g/100g	Note (4)
6. Available carbohydrate Cacbohydrat hữu hiệu	FAO Food and Nutrition Paper 77 (2003) ^(Δ)	47.2 ± 2.1	-	g/100g	
7. Carbohydrate (not including dietary fiber) Carbohydrat (không bao gồm xơ)	AOAC 2020.07	4.57 ± 0.29	0.18	g/100g	not incl. polyols & Note (2) Note (#)
8. Dietary fiber (High molecular weight dietary fiber HMW DF) Xơ (Xơ phân tử cao HMW DF)	AOAC 991.43	22.6 ± 1.1	0.4	g/100g	Note (F)
9. Energy Năng lượng	FAO Food and Nutrition Paper 77 (2003) ^(Δ)	135.9 ± 5.2	-	kcal/100g	Vietnam market
10. Total fat Chất béo	LFOD-TST-SOP-8444 (Ref. ISO 16958:2015)	0.129 ± 0.014	0.1	g/100g	
11. Saturated fat Chất béo bão hòa	LFOD-TST-SOP-8444 (Ref. ISO 16958:2015)	Not Detected Không phát hiện	0.1	g/100g	

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
 Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
 Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service
<http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations
 of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
 This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of
 this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings
 at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The
 Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties
 to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction
 documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or
 appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest
 extent of the law.



Report N°: 0001429367

Page N° 3/6

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	RL	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
12. Trans fatty acids (TFA) (sum of C14:1 (trans-), C16:1 (trans-), C18:1 (trans-), C18:2 (trans-), C18:3 (trans-), C20:1 (trans-), and C22:1 n-9 (trans-)) <i>Axit béo dạng Trans (TFA) (tổng của C14:1 (trans-), C16:1 (trans-), C18:1 (trans-), C18:2 (trans-), C18:3 (trans-), C20:1 (trans-), và C22:1 n-9 (trans-))</i>	LFOD-TST-SOP-8444 (Ref. ISO 16958:2015)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.1	g/100g	
13. Total sugars <i>Đường tổng số</i>	AOAC 2018.16	0.296 ± 0.028	_(a)	g/100g	Note (3)
14. Fructose <i>Fructoza</i>	AOAC 2018.16	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.1	g/100g	
15. Galactose <i>Galactoza</i>	AOAC 2018.16	0.296 ± 0.028	0.1	g/100g	
16. Glucose <i>Glucoza</i>	AOAC 2018.16	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.1	g/100g	
17. Lactose <i>Lactoza</i>	AOAC 2018.16	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.1	g/100g	
18. Maltose <i>Maltoza</i>	AOAC 2018.16	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.1	g/100g	
19. Sucrose <i>Sucroza</i>	AOAC 2018.16	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.1	g/100g	
20. Isomaltose <i>Isomaltoza</i>	AOAC 2018.16	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.1	g/100g	
21. Melibiose <i>Melibioza</i>	AOAC 2018.16	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.1	g/100g	
22. Rhamnose <i>Rhamnoza</i>	AOAC 2018.16	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.1	g/100g	
23. Xylose <i>Xyloza</i>	AOAC 2018.16	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.1	g/100g	
24. Sodium (Na) <i>Natri</i>	AOAC 2011.14	3.99 ± 0.80	1	mg/100g	

Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOSC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0001429367

Page N° 4/6

Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOAC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao (*).

- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.
Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.
- Total carbohydrate was calculated as sum of available carbohydrate, insoluble dietary fiber IDF and high molecular weight soluble dietary fiber HMW SDF with assuming that there was no Low molecular weight soluble dietary fiber LMW SDF as client confirmed.
Carbohydrate tổng được tính từ tổng số của carbohydrate hữu hiệu với xơ không hòa tan IDF và xơ hòa tan phân tử lượng cao HMW SDF với giả định rằng mẫu không có chứa xơ hòa tan phân tử lượng thấp LMW SDF theo xác nhận của khách hàng.
- (VN) Carbohydrate (not including dietary fiber) factor: 4 kcal/g, Fat factor: 9 kcal/g, Protein factor: 4 kcal/g; 1 kcal = 4.184 kJ (Source: FAO - Food and Nutrition paper 77 (2003)).
(VN) Hệ số của carbohydrate (không bao gồm xơ): 4 kcal/g, hệ số của chất béo: 9 kcal/g, hệ số của chất đạm: 4 kcal/g; 1 kcal = 4.184 kJ (Nguồn: FAO – Thực phẩm và Dinh dưỡng số 77 (2003)).
- (F) The result that was calculated by sum of insoluble dietary fiber (IDF) and high molecular weight soluble dietary fiber (HMW SDF) was not included with low molecular weight soluble dietary fiber (LMW SDF).
(F) Kết quả được tính từ tổng hàm lượng xơ không hòa tan (IDF) và xơ hòa tan phân tử lượng cao (HMW SDF), không bao gồm xơ hòa tan phân tử lượng thấp (LMW SDF).
- (3) Sum of Fructose, Galactose, Glucose, Lactose, Maltose, Sucrose, Isomaltose, Melibiose, Rhamnose, and Xylose.
(3) Tổng của Fructose, Galactose, Glucose, Lactose, Maltose, Sucrose, Isomaltose, Melibiose, Rhamnose, và Xylose.
- (2) Including digestible starch, maltodextrins, isomalto-oligosaccharides, isomaltose, sucrose, lactose, glucose, fructose, galactose, turanose, isomaltulose, arabinose and 40 % of lactulose. It does not include polyols, melibiose, rhamnose, xylose, fucose, mannose, ribose, trehalose, cellobiose, tagatose and allulose.
(2) Bao gồm tinh bột tiêu hóa, maltodextrins, isomalto-oligosaccharides, isomaltose, sucrose, lactose, glucose, fructose, galactose, turanose, isomaltulose, arabinose và 40 % lactulose. Không bao gồm polyols, melibiose, rhamnose, xylose, fucose, mannose, ribose, trehalose, cellobiose, tagatose và allulose.
- Reporting Limit (RL) was required by client.
Giới hạn báo cáo (RL) được yêu cầu bởi khách hàng.
- g/100g = % (w/w); mL/100mL = % (v/v); mL/100g = % (v/w); g/100mL = % (w/v).
- RL = Reporting Limit. RL is referred to Limit of Quantitation (LOQ or the value higher than the LOQ) when applied to quantitative analytes, estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below RL. For chemical analytes and qualitative microbiological analytes, the value below RL is reported as Not Detected. For quantitative microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).
RL = Giới hạn báo cáo. RL ứng với giới hạn định lượng (LOQ hoặc giá trị lớn hơn LOQ) khi áp dụng cho chỉ tiêu định lượng, mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn báo cáo. Đối

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0001429367

Page N° 5/6

với chỉ tiêu phân tích hóa học và chỉ tiêu phân tích vi sinh định tính, giá trị chất phân tích nhỏ hơn RL được báo cáo là Không phát hiện. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh định lượng, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/diện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kỳ phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dây ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dây ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dây ống có nồng độ cao nhất).

_(a) Refer to RL of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.

_(a) Tham khảo RL của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

- (#) This value was used to calculate the calory
(#) Giá trị này dùng để tính năng lượng
- (4) Total carbohydrate was calculated by subtracting 100% from protein, fat, moisture and ash: 100 – (protein + fat + moisture + ash) in g per 100g.
Available carbohydrate was calculated by subtracting 100% from protein, fat, moisture, ash and fiber: 100 – (protein + fat + moisture + ash + fiber) in g per 100g.
- (##) incl. nitrogen contributed from caffeine as client required
(##) bao gồm hàm lượng nitơ đóng góp từ caffeine theo yêu cầu khách hàng

Comments/Nhận xét:

The coffee contains high amount of polyphenols (with chlorogenic acid in the highest proportion), caffeine, Maillard products,... that are normally not considered during calculation of carbohydrate by difference approach that makes the overestimation of this value, the direct approach for carbohydrate and calory calculation is recommended to use to get the accurate results.

Cà phê chứa lượng lớn polyphenols (với chlorogenic acid chiếm tỉ lệ cao nhất), caffeine, các sản phẩm từ phản ứng Maillard... mà thường không được xem xét trong quá trình tính toán carbohydrate theo cách tiếp cận gián tiếp sẽ làm kết quả carbohydrate cao hơn thực tế, cách tiếp cận trực tiếp được khuyến nghị dùng để tính chính xác giá trị carbohydrate và năng lượng.

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn



Report N°: 0001429367

Page N° 6/6

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

*** END OF THE REPORT ***

Your feedback helps us improve our service.
Please scan and rate us here



[Customer's feedback - Food Lab](#)

Signed for and on behalf of

SGS Vietnam LTD.

Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam TNHH



Vũ Đình Nhì

Trưởng Bộ phận Thử nghiệm
Dư lượng Thuốc Bảo vệ Thực vật



SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.